|  |  |
| --- | --- |
| BỘ Y TẾ  **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**  **THÍ ĐIỂM BÁC SỸ TRẺ TÌNH NGUYỆN VỀ VÙNG KHÓ KHĂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……………………, ngày tháng năm 202..* |

**MẪU TỰ ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI BÁC SỸ TRẺ TÌNH NGUYỆN**

**Mẫu ĐG-02**

**CHUYÊN NGÀNH NỘI KHOA THUỘC DỰ ÁN 585**

**I. Thông tin chung bác sỹ tham gia Dự án 585**

Họ và tên :……..……………………………………………………………….

Ngày sinh:………………………………………………………………………

Chuyên ngành:………………………………………………………………….

Tốt nghiệp bác sỹ chuyên khoa I năm:……………………………………………

Đơn vị công tác:

- Trước khi tham gia Dự án 585: (Khoa/phòng/ thuộc BV/TTYT……………..

…………………………………………………………………………………..

- Sau khi tốt nghiệp bác sỹ chuyên khoa cấp I Dự án 585: (Khoa/phòng/ thuộc BV/TTYT………………………………………………………………………..

Tỉnh: ………………………………(trước 01/7/2025 là tỉnh……………………)

Thời gian bắt đầu công tác tại đơn vị: …………………………………………….

**II. Các nội dung đánh giá**

**1. Mô tả hoạt động thường ngày (**Công việc chính ở khoa làm gì? Phối hợp với ai? Thời gian làm việc?Hỗ trợ đồng nghiệp?.....)

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

**2. Đánh giá chung**

- Thời gian làm việc trung bình: ……/ngày

- Số buổi trực:…… buổi/tuần

- Số bệnh nhân được bác sỹ trẻ khám/ thực hiện thủ thuật hàng ngày: …….bệnh nhân

**3. Các nội dung bác sỹ trẻ tự đánh giá**: (đến thời điểm hiện tại)

**3.1. Về chuyên môn:** làm được………. kỹ thuật, trong đó:

- Chuyển giao cho đơn vị: …. kỹ thuật (được tính bằng tổng số kỹ thuật được thực hiện tại mục 3.1.1 bên dưới)

- Thực hiện tại đơn vị: …… kỹ thuật (được tính bằng tổng số kỹ thuật được thực hiện tại mục 3.1.1 và mục 3.1.2 bên dưới)

- Theo chương trình đào tạo Dự án 585: …… kỹ thuật (được tính bằng tổng số kỹ thuật được thực hiện tại mục 3.1.3 bên dưới)

**Chi tiết các kỹ thuật:**

**3.1.1. Các kỹ thuật Bác sỹ chuyển giao cho đơn vị sau khi tốt nghiệp BSCK cấp I**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**3.1.2 . Các kỹ thuật bác sỹ trẻ thực hiện được theo phân tuyến kỹ thuật**

| **TT** | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất**  **(số ca/ngày**  **/tuần/tháng** | **Trong đó** | | **Mức độ tự tin**  **(+/-)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số ca tự làm** | **Số ca phối hợp** |
|  | **A. HÔ HẤP** |  |  |  |  |
|  | Bóp bóng Ambu qua mặt nạ |  |  |  |  |
|  | Bơm rửa khoang màng phổi |  |  |  |  |
|  | Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần) |  |  |  |  |
|  | Chọc dò dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm |  |  |  |  |
|  | Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm |  |  |  |  |
|  | Chọc dò dịch màng phổi |  |  |  |  |
|  | Chọc tháo dịch màng phổi |  |  |  |  |
|  | Chọc hút khí màng phổi |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm |  |  |  |  |
|  | Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter |  |  |  |  |
|  | Đặt ống dẫn lưu khoang MP |  |  |  |  |
|  | Đo chức năng hô hấp |  |  |  |  |
|  | Gây dính màng phổi bằng thuốc/ hóa chất qua ống dẫn lưu màng phổi |  |  |  |  |
|  | Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục |  |  |  |  |
|  | Kỹ thuật đặt van một chiều nội phế quản |  |  |  |  |
|  | Kỹ thuật ho có điều khiển |  |  |  |  |
|  | Kỹ thuật tập thở cơ hoành |  |  |  |  |
|  | Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương |  |  |  |  |
|  | Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế |  |  |  |  |
|  | Khí dung thuốc giãn phế quản |  |  |  |  |
|  | Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm |  |  |  |  |
|  | Nghiệm pháp đi bộ 6 phút |  |  |  |  |
|  | Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe |  |  |  |  |
|  | Rửa phổi toàn bộ |  |  |  |  |
|  | Siêu âm màng phổi cấp cứu |  |  |  |  |
|  | Sinh thiết màng phổi mù |  |  |  |  |
|  | Thay canuyn mở khí quản |  |  |  |  |
|  | Vận động trị liệu hô hấp |  |  |  |  |
|  | **B. TIM MẠCH** |  |  |  |  |
|  | Chọc dò và dẫn lưu màng ngoài tim |  |  |  |  |
|  | Chọc dò màng ngoài tim |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu màng ngoài tim |  |  |  |  |
|  | Điện tim thường |  |  |  |  |
|  | Holter điện tâm đồ |  |  |  |  |
|  | Holter huyết áp |  |  |  |  |
|  | Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc |  |  |  |  |
|  | Nghiệm pháp atropin |  |  |  |  |
|  | Siêu âm Doppler mạch máu |  |  |  |  |
|  | Siêu âm Doppler tim |  |  |  |  |
|  | Siêu âm tim cấp cứu tại giường |  |  |  |  |
|  | Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh |  |  |  |  |
|  | **C. THẦN KINH** |  |  |  |  |
|  | Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần) |  |  |  |  |
|  | Chọc dò dịch não tuỷ |  |  |  |  |
|  | Ghi điện não thường quy |  |  |  |  |
|  | Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường |  |  |  |  |
|  | Hút đờm hầu họng |  |  |  |  |
|  | Lấy máu tĩnh mạch bẹn |  |  |  |  |
|  | Test chẩn đoán nhược cơ bằng thuốc |  |  |  |  |
|  | Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN |  |  |  |  |
|  | Theo dõi SPO2 liên tục tại giường |  |  |  |  |
|  | Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường |  |  |  |  |
|  | Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày) |  |  |  |  |
|  | **D. THẬN TIẾT NIỆU** |  |  |  |  |
|  | Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da/lần |  |  |  |  |
|  | Chăm sóc sonde dẫn lưu tụ dịch- máu quanh thận/lần |  |  |  |  |
|  | Chăm sóc catheter TMTT trong lọc máu |  |  |  |  |
|  | Chăm sóc và bảo quản catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu |  |  |  |  |
|  | Chăm sóc và bảo quản catheter đường hầm có cuff để lọc máu |  |  |  |  |
|  | Chăm sóc ống dẫn lưu bể thận qua da 24 giờ |  |  |  |  |
|  | Chọc dò bể thận dưới hướng dẫn của siêu âm |  |  |  |  |
|  | Chọc hút dịch quanh thận dưới hướng dẫn của siêu âm |  |  |  |  |
|  | Chọc hút dịch nang thận dưới hướng dẫn của siêu âm |  |  |  |  |
|  | Chọc hút nước tiểu trên xương mu |  |  |  |  |
|  | Đặt sonde bàng quang |  |  |  |  |
|  | Đo lượng nước tiểu 24 giờ |  |  |  |  |
|  | Rửa bàng quang lấy máu cục |  |  |  |  |
|  | Rửa bàng quang |  |  |  |  |
|  | **Đ. TIÊU HÓA** |  |  |  |  |
|  | Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hỗng tràng (một lần) |  |  |  |  |
|  | Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm |  |  |  |  |
|  | Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị |  |  |  |  |
|  | Đặt ống thông dạ dày |  |  |  |  |
|  | Đặt ống thông hậu môn |  |  |  |  |
|  | Đo áp lực ổ bụng gián tiếp qua ống thông dẫn lưu bàng quang |  |  |  |  |
|  | Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng cấp cứu |  |  |  |  |
|  | Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng có dùng thuốc tiền mê |  |  |  |  |
|  | Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng qua đường mũi |  |  |  |  |
|  | Nội soi trực tràng ống mềm |  |  |  |  |
|  | Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu |  |  |  |  |
|  | Nội soi trực tràng ống cứng |  |  |  |  |
|  | Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết |  |  |  |  |
|  | Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết |  |  |  |  |
|  | Nội soi can thiệp - sinh thiết niêm mạc ống tiêu hóa |  |  |  |  |
|  | Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori |  |  |  |  |
|  | Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ |  |  |  |  |
|  | Nội soi can thiệp - nhuộm màu chẩn đoán ung thư sớm |  |  |  |  |
|  | Nội soi hậu môn ống cứng |  |  |  |  |
|  | Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết |  |  |  |  |
|  | Nội soi đại tràng sigma ổ có sinh thiết |  |  |  |  |
|  | Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết |  |  |  |  |
|  | Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết |  |  |  |  |
|  | Rửa dạ dày cấp cứu |  |  |  |  |
|  | Siêu âm ổ bụng |  |  |  |  |
|  | Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe |  |  |  |  |
|  | Siêu âm can thiệp - chọc hút mủ ổ áp xe gan |  |  |  |  |
|  | Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu dịch màng bụng liên tục |  |  |  |  |
|  | Siêu âm can thiệp - chọc hút ổ áp xe trong ổ bụng |  |  |  |  |
|  | Test thở C14O2 tìm H.Pylori |  |  |  |  |
|  | Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân |  |  |  |  |
|  | Thụt thuốc qua đường hậu môn |  |  |  |  |
|  | Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng |  |  |  |  |
|  | Thụt tháo phân |  |  |  |  |
|  | **E. CƠ XƯƠNG KHỚP** |  |  |  |  |
|  | Chọc hút tế bào khối u dưới hướng dẫn của siêu âm |  |  |  |  |
|  | Đo độ nhớt dịch khớp |  |  |  |  |
|  | Hút dịch khớp gối |  |  |  |  |
|  | Hút nang bao hoạt dịch |  |  |  |  |
|  | Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm |  |  |  |  |
|  | Xét nghiệm Mucin test |  |  |  |  |
|  | **G. Các kỹ thuật khác** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**3.1.3. Các kỹ thuật bác sỹ trẻ đã thực hiện theo chương trình đào tạo dự án 585**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất**  **(số ca/ngày/**  **tuần/tháng** | **Ghi chú** | | **Mức độ tự tin**  **(+/-)** |
| **Số ca tự làm** | **Số ca phối hợp** |
|  | **Chuyên khoa Hô hấp - Tiêu hóa** |  |  |  |  |
|  | Khám và làm bệnh án bệnh nhân hô hấp |  |  |  |  |
|  | Khám và làm bệnh án bệnh nhân tiêu hóa |  |  |  |  |
|  | Chọc dịch màng phổi |  |  |  |  |
|  | Chọc khí màng phổi |  |  |  |  |
|  | Mở màng phổi tối thiểu dẫn lưu khí -  dịch |  |  |  |  |
|  | Kỹ thuật đo chức năng hô hấp |  |  |  |  |
|  | Đọc kết quả đo chức năng hô hấp |  |  |  |  |
|  | Lấy máu làm khí máu động mạch và  phân tích kết quả |  |  |  |  |
|  | Đọc phim Xquang phổi |  |  |  |  |
|  | Nội soi phế quản ống mềm |  |  |  |  |
|  | Sinh thiết màng phổi mù |  |  |  |  |
|  | Đọc phim Xquang bụng |  |  |  |  |
|  | Chọc dò dịch ổ bụng |  |  |  |  |
|  | Nội soi ổ bụng |  |  |  |  |
|  | Nội soi dạ dày - tá tràng |  |  |  |  |
|  | Nội soi đại tràng |  |  |  |  |
|  | **Chuyên ngành Nội tiết-Thận tiết niệu** |  |  |  |  |
|  | Khám và làm bệnh án bệnh nhân nội tiết |  |  |  |  |
|  | Khám và làm bệnh án bệnh nhân thận  tiết niệu |  |  |  |  |
|  | Siêu âm tuyến giáp |  |  |  |  |
|  | Chọc tế bào tuyến giáp |  |  |  |  |
|  | Nghiệm pháp dung nạp glucose và phân tích kết quả |  |  |  |  |
|  | Đọc phim Xquang hệ tiết niệu và UIV |  |  |  |  |
|  | Sinh thiết thận |  |  |  |  |
|  | Siêu âm thận |  |  |  |  |
|  | Nội soi bàng quang |  |  |  |  |
|  | **Chuyên ngành Cơ xương khớp - Tim mạch** |  |  |  |  |
|  | Khám và làm bệnh án bệnh nhân cơ xương khớp |  |  |  |  |
|  | Khám và làm bệnh án bệnh nhân tim mach |  |  |  |  |
|  | Đọc phim Xquang xương khớp |  |  |  |  |
|  | Chọc dịch khớp gối |  |  |  |  |
|  | Tiêm khớp gối |  |  |  |  |
|  | Siêu âm khớp |  |  |  |  |
|  | Đọc kết quả điện tâm đồ |  |  |  |  |
|  | Chọc dịch màng tim |  |  |  |  |
|  | Siêu âm tim |  |  |  |  |
|  | **Chuyên ngành Huyết học - Lão khoa** |  |  |  |  |
|  | Khám và làm bệnh án bệnh nhân huyết học |  |  |  |  |
|  | Khám và làm bệnh án bệnh nhân lão khoa |  |  |  |  |
|  | Kỹ thuật định nhóm máu hệ ABO và Rh bằng phương pháp trong ống nghiệm và nhận định kết quả |  |  |  |  |
|  | Truyền máu tại giường bệnh |  |  |  |  |
|  | Tủy đồ và sinh thiết tủy |  |  |  |  |
|  | Siêu âm Doppler mạch |  |  |  |  |
|  | Trắc nghiệm thần kinh tâm lý trong chẩn đoán sa sút trí tuệ |  |  |  |  |
|  | Siêu âm tuyến tiền liệt |  |  |  |  |
|  | Điều trị Laser tuyến tiền liệt |  |  |  |  |
|  | **Chuyên ngành Hồi sức cấp cứu** |  |  |  |  |
|  | Sốc điện đồng bộ và không đồng bộ |  |  |  |  |
|  | Mở màng phổi tối thiểu, dẫn lưu màng  phổi |  |  |  |  |
|  | Chọc dẫn lưu dịch màng ngoài tim |  |  |  |  |
|  | Vận hành máy thở thông thường |  |  |  |  |
|  | Đặt nội khí quản |  |  |  |  |
|  | Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm |  |  |  |  |
|  | Hồi sinh tim phổi nâng cao |  |  |  |  |
|  | Bóp bóng ambu |  |  |  |  |
|  | **Chuyên ngành Truyền nhiễm** |  |  |  |  |
|  | Chọc dò màng bụng |  |  |  |  |
|  | Chọc dò màng phổi |  |  |  |  |
|  | Chọc dò tuỷ sống |  |  |  |  |
|  | Đọc film CT Scanner, MRI sọ não, XQ phổi,  bụng. |  |  |  |  |

**3.2. Các hoạt động khác**

- Số tài liệu được viết, soạn thảo để đào tạo, hướng dẫn cho đồng nghiệp tại đơn vị : ….

Trong đó:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tài liệu** | **Số trang** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

- Số buổi tập huấn, hướng dẫn chia sẻ kinh nghiệm được bác sỹ trẻ thực hiện:………

Trong đó:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tập huấn** | **Số ngày** | **Số người tham dự** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

- Một số hoạt động khác (ngoài chuyên khoa mình phụ trách, có thực hiện hoạt động chuyên môn, Khám chữa bệnh chuyên khoa khác không)

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

- Bác sỹ trẻ tự đánh giá hiệu quả của các hoạt động trên

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**4. Về việc thực hiện chế độ chính sách đối với bác sỹ trẻ tình nguyện (có được hưởng nguyên lương và phụ cấp trong 02 năm đi học Dự án 585 hay không?)**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**5. Thuân lợi, khó khăn khi công tác tại đơn vị**

**5.1. Thuận lợi**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**5.2. Khó khăn**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**6. Đề xuất, kiến nghị**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người giám sát**  **(Ký tên)** | **Bác sỹ trẻ tình nguyện**  **(ký tên)** | **Lãnh đạo đơn vị**  **(Ký tên, đóng dấu)** |